

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----***----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

BÁNH KEM XỐP HƯƠNG BÁNH PHÔ MAI CHANH VEDAN MORE

TCCS 79/VDN/2023

CÔNG TY CP HH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 79/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam /

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam /

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138 /

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719 /

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Bánh kem xốp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More

2. Thành phần: Bột mì, shortening, đường xay, bột whey, bột kem, tinh bột hỗn hợp (tinh bột bắp, chất ổn định (1403), tinh bột khoai tây), bột phô mai (1,19%), dầu đậu nành, chất nhũ hóa (322(i)), hương liệu bánh phô mai chanh giống tự nhiên, bột nở, acid citric 50% (chất điều chỉnh độ acid (330), nước), chất nhũ hóa (460(ii)), phẩm màu vàng (dầu đậu nành, phẩm màu tổng hợp (160a(i))), hương liệu giống tự nhiên (hương phô mai, hương chanh).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 16 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, hạn sử dụng: Xem trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

100 g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng phức hợp OPP20/MCPP25, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: KCG Corporation Public Company Limited.



Địa chỉ: 79 Moo 11, Theparak Rd., Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakan 10540 Thailand.

Xuất xứ: Thái Lan.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, phân phối và kinh doanh sản phẩm “Bánh kem xốp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6 mục 6.5.2).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.20, 3.18).
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.6, 2.2, 4.6, 5.5).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 21 tháng 08 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO



Vedan More_Wafers_100g_NPD

Size : W 31.3 x H 24.9 cm

24.9 cm



3.3 cm

8.2 cm

3.4 cm

8.2 cm

31.3 cm



HÌNH ẢNH PHÓNG TO NỘI DUNG GHI NHÃN

BÁNH KEM XỐP HƯƠNG BÁNH PHÔ MAI CHANH VEDAN MORE 100 g

BÁNH KEM XỐP HƯƠNG BÁNH PHÔ MAI CHANH VEDAN MORE

Thành phần: Bột mì, shortening, đường xay, bột whey, bột kem, tinh bột hỗn hợp (tinh bột bắp, chất ổn định (1403), tinh bột khoai tây), bột phô mai (1,19%), dầu đậu nành, chất nhũ hóa (322(i)), hương liệu bánh phô mai chanh giống tự nhiên, bột nở, acid citric 50% (chất điều chỉnh độ acid (330), nước), chất nhũ hóa (460(ii)), phẩm màu vàng (dầu đậu nành, phẩm màu tổng hợp (160a(i))), hương liệu giống tự nhiên (hương phô mai, hương chanh).

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát (không quá 25°C); tránh nhiệt độ cao, ẩm ướt và ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm chứa bột mì, sản phẩm từ sữa, sản phẩm từ đậu nành và có thể chứa dứa.

NSX, HSD: Xem MFG, BBE trên bao bì

Sản xuất tại: KCG Corporation Public Company Limited

Địa chỉ: 79 Moo 11 Theparak Rd., Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakan 10540 Thailand

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 79/VDN/2023



HÌNH ẢNH PHÒNG TO NỘI DUNG GHI NHÃN
BÁNH KEM XỐP HƯƠNG BÁNH PHÔ MAI CHANH VEDAN MORE 100 g

VEDAN MORE WAFERS FILLED WITH LEMON CHEESECAKE FLAVOURED CREAM

Main Ingredients: Wheat Flour, Shortening, Icing Sugar, Whey Powder, Cream Powder, Mixed Starch (Corn Starch, Stabilizer (1403), Potato Starch), Cheese Powder (1.19%), Soybean Oil, Emulsifier (322(i)), Nature-Identical Lemon Cheesecake Flavour, Baking Powder, Citric Acid 50% (Acidity Regulator (330), Water), Emulsifier (460(ii)), Yellow Colour (Soybean Oil, Synthetic Colorant (160a(i))), Nature-Identical Flavour (Cheese Flavour, Lemon Flavour).

Allergen Information: Product Contains Wheat Flour, Milk Product, Soybean Product and May Contain Coconut.

Store in a cool & dry place (should not more than 25°C); avoiding heat, moisture and direct sunlight.

MFG Date and Best Before (Shown on pack)

MANUFACTURED BY : KCG CORPORATION PUBLIC COMPANY LIMITED
79 MOO 11 THEPARAK RD., BANG PLA, BANG PHI,
SAMUT PRAKAN 10540 THAILAND

Tel. 0-2730-5564 www.kcgcorporation.com

IMPORTED BY: VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD

National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

Nutrition Information

Serving size 1 Pack (33 g)

Servings per container: 3

Amount per serving

Total energy 180 kcal

	Percent Thai RDI	
Total Fat	10 g	15 %
Protein	1 g	
Total Carbohydrate	21 g	7 %
Sugars	10 g	
Sodium	70 mg	4 %

*Percent Thai Recommended Daily Intakes for population over 6 years of age are based on a 2,000 kcal diet.





Báo cáo thử nghiệm: 5624707

Ngày: 17/07/2023

Trang 1/3

Khách hàng: KCG Corporation Public Company Limited

79 Moo 11, Theparak Road,

Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakarn 10540 Thái Lan

(Các) mẫu sau đây đã được gửi và được khách hàng xác định là:

Tên mẫu : Bánh kem xốp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More

Xuất khẩu sang : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ : Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

(Các) mẫu sau đã được SGS xác định là:

Số mẫu SGS: 5897834

Tình trạng mẫu: Mẫu được niêm phong trong túi nhôm.

Số lượng đã gửi: 84 túi X 33 g

Ngày nhận: 29/06/2023

Ngày bắt đầu: 03/07/2023

Mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	DVT
calo	Phương pháp phân tích dinh dưỡng Ghi nhãn (1993): 106				
- Calo từ chất béo		-	-	260	kcal/100g
-Calo		-	-	534	kcal/100g
Protein (Nx6.25)	Phương pháp nội bộ SOP LBAG-14002 dựa trên AOAC (2019) 990.03,992.15,992.23	-	-	4.27	g/100g
Chất béo bão hòa	AOAC (2019) 996.06.GC/FID	-	0.01	12.93	g/100g
axit béo chuyển hóa	AOAC (2019) 996.06 GC/FID	-	0.01	0.09	g/100g
Cholesterol	Phương pháp nội bộ SOP LBCH-00259 dựa trên AOAC (2019) 994.10 , GC/FID	0.10	0.50	1.91	mg/100g
Carbohydrate	Phương pháp phân tích dinh dưỡng Ghi nhãn (1993): 106				
-Tro		-	-	1.1	g/100g
- Độ ẩm		-	-	1.5	g/100g
-Carbohydrate		-	-	64.2	g/100g

"Bất kỳ ai được cấp tài liệu này đều được khuyến khích nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc hiển thị thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi có sự phê duyệt trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") liên quan được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SDT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com



Số chứng thực 1007/43

Báo cáo thử nghiệm: 5624707

Ngày: 17/07/2023

Trang 2/3

Mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	ĐVT
Chất xơ	Phương pháp nội bộ LBAG-99103 dựa trên AOAC(2019) 985.29	-	-	0.84	g/100g
Tổng lượng đường	Phương pháp nội bộ SOP LBLC-17001 dựa trên AOAC(2019) 982.14 , HPLC-RI				
-Fructose		0.10	0.30	Không phát hiện	g/100g
-Glucose		0.10	0.30	Không phát hiện	g/100g
-Sucrose		0.10	0.30	23.48	g/100g
-Maltose		0.10	0.30	0.78	g/100g
-Lactose		0.10	0.30	552	g/100g
- Tổng lượng đường		-	-	29.78	g/100g
Natri (Na)	Phương pháp nội bộ SOP Số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	1.50	5.00	219	mg/100g
Canxi (Ca)	Phương pháp nội bộ SOP Số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0.60	2.00	57	mg/100g
Sắt (Fe)	Phương pháp nội bộ SOP Số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0.01	0.07	0.40	mg/100g
Kali (K)	Phương pháp nội bộ SOP Số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	1.50	5.00	174	mg/100g
Vitamin A (dưới dạng Retinol)	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-99076 dựa trên Bull. PDept. Med. Sci Tập 37 Số 1 tháng 1-tháng 3 năm 1995: Tr.57-64	0.98	1.96	Không phát hiện	ug/100g
Vitamin B1 (Thiamine)	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-00089 dựa trên AOAC (2019) 942.23	0.05	0.08	0.09	mg/100g

"Bất kỳ ai được cấp tài liệu này đều được khuyến rằng nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc hiển thị thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi có sự phê duyệt trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") liên quan được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10/101-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SĐT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com



Số chứng thực 1007/43

Báo cáo thử nghiệm: 5624707

Ngày: 17/07/2023

Trang 3/3

Mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	DVT
Vitamin B2(Riboflavin)	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-00084 dựa trên AOAC (2019) 970.65	0.05	0.08	0.22	mg/100g
Vitamin D - Vitamin D2 (dưới dạng ergocalciferol) - Vitamin D3 (dưới dạng cholecalciferol)	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-08474 Liên quan đến AOAC (2016) 981.17 và AOAC (2016) 995.05	0.25 0.25	0.50 0.50	Không phát hiện Không phát hiện	ug/100g ug/100g
Chất béo	Phương pháp nội bộ LBAG-00110 dựa trên AOAC(2019) 954.02,922.06,925.12,948.15	-	-	28.9	g/100g

Ghi chú: 1. LOD = "Giới Hạn Phát Hiện"

2. Nhỏ hơn = Thấp hơn LOQ "Giới hạn định lượng"

"(Các) thử nghiệm được đánh dấu * trong Báo cáo này không được bao gồm trong Phạm vi Chứng nhận BLQS DMSc."

Phòng thí nghiệm đã được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

Đã ký thay mặt cho SGS (Thailand) Ltd.

(Đã ký)

Porn Poopetch

Quyền Trưởng phòng thí nghiệm hóa học tổng hợp

***** Kết thúc báo cáo *****

"Bất kỳ ai được cấp tài liệu này đều được khuyến khích nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc hiển thị thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi có sự phê duyệt trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") liên quan được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SĐT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com



Thông tin dinh dưỡng tham khảo Báo cáo thử nghiệm 5624707 Ngày: 17/07/2023

Bánh kem xốp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More

ข้อมูลโภชนาการ			
หนึ่งหน่วยบริโภค	1 แพ็ค (33 กรัม)		
จำนวนหน่วยบริโภคต่อ	แพ็ค : 1		
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค			
พลังงานทั้งหมด	180	กิโลแคลอรี	(พลังงานจากไขมัน 90 กิโลแคลอรี)
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภค*			
ไขมันทั้งหมด	10 ก.		15 %
ไขมันอิ่มตัว	4.5 ก.		23 %
กรดไขมันชนิดทรานส์	0 ก.		
โคเลสเตอรอล	0 มก.		0 %
โปรตีน	1 ก.		
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	21 ก.		7 %
ใยอาหาร	0 ก.		0 %
น้ำตาล	10 ก.		
โซเดียม	70 มก.		4 %
โพแทสเซียม	55 มก.		2 %
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภค*			
วิตามินเอ	0 %	วิตามินบี 1	น้อยกว่า 2 %
วิตามินบี 2	4 %	แคลเซียม	2 %
เหล็ก	0 %	วิตามินดี	0 %
* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี			
ความต้องการพลังงานของแต่ละบุคคลแตกต่างกัน ผู้ที่ต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี ควรได้รับสารอาหารต่าง ๆ ดังนี้			
ไขมันทั้งหมด	น้อยกว่า	65	ก.
ไขมันอิ่มตัว	น้อยกว่า	20	ก.
โคเลสเตอรอล	น้อยกว่า	300	มก.
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด		300	ก.
ใยอาหาร		25	ก.
โซเดียม	น้อยกว่า	2,000	มก.
พลังงาน (กิโลแคลอรี) ต่อกรัม : ไขมัน = 9; โปรตีน = 4 ; คาร์โบไฮเดรต = 4			

Pm P.

พว ภูพิชร์
ผู้จัดการ

ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

ghi chú: Nhãn dinh dưỡng được nêu chỉ phản ánh định dạng quy định được nêu trong quy định ghi nhãn hiện hành. Khi áp dụng nhãn, kích thước bao bì thực tế được khách hàng sử dụng phải được cân nhắc.

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SDT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com



Thông tin dinh dưỡng tham khảo Báo cáo thử nghiệm 5624707 Ngày: 17/07/2023

Bánh kem xốp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More

คุณค่าทางโภชนาการต่อ 1 แพ็ค

พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
180 กิโลแคลอรี	10 กรัม	10 กรัม	70 มิลลิกรัม
* 9%	* 15%	* 15%	* 4%

*คิดเป็นร้อยละของปริมาณสูงสุดที่บริโภคได้ต่อวัน

Ghi chú: Nhãn dinh dưỡng được nêu chỉ phản ánh định dạng quy định được nêu trong quy định ghi nhãn hiện hành. Khi áp dụng nhãn, kích thước bao bì thực tế được khách hàng sử dụng phải được cân nhắc.

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SDT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com



Thông tin dinh dưỡng tham khảo Báo cáo thử nghiệm 5624707 Ngày: 17/07/2023

Bánh kem xếp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More

ข้อมูลโภชนาการ			
หนึ่งหน่วยบริโภค	1 แพ็ค (33 กรัม)		
จำนวนหน่วยบริโภคต่อ	กล่อง : ประมาณ 3		
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค			
พลังงานทั้งหมด	180	กิโลแคลอรี	(พลังงานจากไขมัน 90 กิโลแคลอรี)
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภค*			
ไขมันทั้งหมด	10 ก.		15 %
ไขมันอิ่มตัว	4.5 ก.		23 %
กรดไขมันชนิดทรานส์	0 ก.		
โคเลสเตอรอล	0 มก.		0 %
โปรตีน	1 ก.		
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	21 ก.		7 %
ใยอาหาร	0 ก.		0 %
น้ำตาล	10 ก.		
โซเดียม	70 มก.		4 %
โพแทสเซียม	55 มก.		2 %
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภค*			
วิตามินเอ	0 %	วิตามินบี 1	น้อยกว่า 2 %
วิตามินบี 2	4 %	แคลเซียม	2 %
เหล็ก	0 %	วิตามินดี	0 %
* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี			
ความต้องการพลังงานของแต่ละบุคคลแตกต่างกัน ผู้ที่ต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี ควรได้รับสารอาหารต่างๆ ดังนี้			
ไขมันทั้งหมด	น้อยกว่า	65	ก.
ไขมันอิ่มตัว	น้อยกว่า	20	ก.
โคเลสเตอรอล	น้อยกว่า	300	มก.
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด		300	ก.
ใยอาหาร		25	ก.
โซเดียม	น้อยกว่า	2,000	มก.
พลังงาน (กิโลแคลอรี) ต่อกรัม : ไขมัน = 9 ; โปรตีน = 4 ; คาร์โบไฮเดรต = 4			

R. P.

พร ฤทธิชัย

ผู้จัดการ

ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

Ghi chú: Nhãn dinh dưỡng được nêu chỉ phản ánh định dạng quy định được nêu trong quy định ghi nhãn hiện hành. Khi áp dụng nhãn, kích thước bao bì thực tế được khách hàng sử dụng phải được cân nhắc.

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SDT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com



Thông tin dinh dưỡng tham khảo Báo cáo thử nghiệm 5624707 Ngày: 17/07/2023

Bánh kem xốp hương Bánh Phở Mai Chanh Vedan More

คุณค่าทางโภชนาการต่อ 1 กล่อง

ควรแบ่งกิน ประมาณ 3 ครั้ง

พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
540	30	30	210
กิโลแคลอรี	กรัม	กรัม	มิลลิกรัม
* 27%	* 46%	* 46%	* 11%

*คิดเป็นร้อยละของปริมาณสูงสุดที่บริโภคได้ต่อวัน

Ghi chú: Nhãn dinh dưỡng được nêu chỉ phản ánh định dạng quy định được nêu trong quy định ghi nhãn hiện hành. Khi áp dụng nhãn, kích thước bao bì thực tế được khách hàng sử dụng phải được cân nhắc.

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SDT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tôi, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

CHỨNG NHẬN:

CERTIFY THAT:

- Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CMND số 012392795 cấp ngày 23/12/2009 tại công an Hà Nội, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Lê Thị Chà;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 05 bản chính, mỗi bản gồm 8 tờ, 8 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 2527 ; Quyền số: 01/2023 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch

Ch

Lê Thị Chà

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Thị Thùy Trang

Test Report 5624707

Date : 17-Jul-2023

Page 1 of 3

Client : KCG Corporation Public Company Limited
79 Moo 11, Theparak Road,
Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakarn 10540 Thailand

The following sample(s) was/were submitted and identified by client as:

Sample Name : Vedan More Wafers filled with Lemon Cheesecake Flavored Cream
Export to : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Address : National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

The following sample(s) was/were identified by SGS as:

SGS Sample No. : 5897834
Sample Condition : Sample is sealed in an aluminium bag.
Qty.Submitted : 84 bags X 33 g
Date Received : 29-Jun-2023 Date Commenced : 3-Jul-2023

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Calories	Method of Analysis for Nutrition Labeling (1993) : 106	-	-	260	kcal/100g
-Calories from fat		-	-	534	kcal/100g
Protein (Nx6.25)	In-house method SOP LBAG-14002 based on AOAC (2019) 990.03,992.15,992.23	-	-	4.27	g/100g
Saturated Fat	AOAC (2019) 996.06,GC/FID	-	0.01	12.93	g/100g
trans-fatty acid	AOAC (2019) 996.06 GC/FID	-	0.01	0.09	g/100g
Cholesterol	In-house method SOP LBCH-00259 based on AOAC (2019) 994.10 , GC/FID	0.10	0.50	1.91	mg/100g
Carbohydrate	Method of Analysis for Nutrition Labeling (1993) : 106	-	-	1.1	g/100g
-Ash		-	-	1.5	g/100g
-Moisture		-	-	64.2	g/100g
-Carbohydrate		-	-		

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

5326420

Test Report 5624707

Date : 17-Jul-2023

Page 2 of 3

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Dietary Fiber	In house method LBAG-99103 based on AOAC(2019) 985.29	-	-	0.84	g/100g
Total sugar	In-house method SOP LBLC-17001 based on AOAC(2019) 982.14 , HPLC-RI				
-Fructose		0.10	0.30	Not detected	g/100g
-Glucose		0.10	0.30	Not detected	g/100g
-Sucrose		0.10	0.30	23.48	g/100g
-Maltose		0.10	0.30	0.78	g/100g
-Lactose		0.10	0.30	5.52	g/100g
-Total sugar		-	-	29.78	g/100g
Sodium (Na)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	1.50	5.00	219	mg/100g
Calcium (Ca)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.60	2.00	57	mg/100g
Iron (Fe)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.07	0.40	mg/100g
Potassium (K)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	1.50	5.00	174	mg/100g
Vitamin A (as Retinol)	In-house method SOP LBFD-99076 based on Bull. Dept. Med. Sci. Vol.37 No.1 Jan-March 1995 : P.57-64	0.98	1.96	Not detected	ug/100g
Vitamin B1(Thiamine)	In house method SOP LBFD-00089 based on AOAC (2019) 942.23	0.05	0.08	0.09	mg/100g

Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such information.

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

5326420

Test Report 5624707

Date : 17-Jul-2023

Page 3 of 3

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Vitamin B2(Riboflavin)	In house method SOP LBFD-00084 based on AOAC (2019) 970.65	0.05	0.08	0.22	mg/100g
Vitamin D	In-house method SOP LBFD-08474 In connection with AOAC (2016) 981.17 and AOAC (2016) 995.05				
-Vitamin D2 (as ergocalciferol)		0.25	0.50	Not detected	ug/100g
-Vitamin D3 (as cholecalciferol)		0.25	0.50	Not detected	ug/100g
Fat	In house method LBAG-00110 based on AOAC(2019) 954.02,922.06,925.12,948.15	-	-	28.9	g/100g

Remark : 1. LOD = "Limit of Detection"

2. Less than = Lower than LOQ "Limit of Quantitation"

The Laboratory have been accredited in accordance with ISO/IEC 17025.

Signed for and on behalf of
SGS (Thailand) Ltd.

Porn Poopetch
Acting General Chemical Laboratory Manager

***** End of Report *****

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

ชื่อผลิตภัณฑ์ : Vedan More Wafers filled with Lemon Cheesecake Flavored Cream

ข้อมูลโภชนาการ			
หนึ่งหน่วยบริโภค	1 แพ็ค (33 กรัม)		
จำนวนหน่วยบริโภคต่อ	แพ็ค : 1		
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค			
พลังงานทั้งหมด	180	กิโลแคลอรี	(พลังงานจากไขมัน 90 กิโลแคลอรี)
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน*			
ไขมันทั้งหมด	10 ก.		15 %
ไขมันอิ่มตัว	4.5 ก.		23 %
กรดไขมันชนิดทรานส์	0 ก.		
โคเลสเตอรอล	0 มก.		0 %
โปรตีน	1 ก.		
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	21 ก.		7 %
ใยอาหาร	0 ก.		0 %
น้ำตาล	10 ก.		
โซเดียม	70 มก.		4 %
โพแทสเซียม	55 มก.		2 %
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน*			
วิตามินเอ	0 %	วิตามินบี 1	น้อยกว่า 2 %
วิตามินบี 2	4 %	แคลเซียม	2 %
เหล็ก	0 %	วิตามินดี	0 %
* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี			
ความต้องการพลังงานของแต่ละบุคคลแตกต่างกัน ผู้ที่ต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี ควรได้รับสารอาหารต่าง ๆ ดังนี้			
ไขมันทั้งหมด	น้อยกว่า	65	ก.
ไขมันอิ่มตัว	น้อยกว่า	20	ก.
โคเลสเตอรอล	น้อยกว่า	300	มก.
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด		300	ก.
ใยอาหาร		25	ก.
โซเดียม	น้อยกว่า	2,000	มก.
พลังงาน (กิโลแคลอรี) ต่อกรัม : ไขมัน = 9; โปรตีน = 4 ; คาร์โบไฮเดรต = 4			


 พ. พ.
 ผู้จัดการ
 ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

Remark : The nutrition label shown reflects only the prescribed format set out in the applicable labeling regulations. When applying the label, the actual package size being used by client must be considered.

5326420 This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was/were drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) were said to be extracted.

ชื่อผลิตภัณฑ์ : Vedan More Wafers filled with Lemon Cheesecake Flavored Cream

คุณค่าทางโภชนาการต่อ 1 แพ็ค

พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
180 กิโลแคลอรี	10 กรัม	10 กรัม	70 มิลลิกรัม
* 9%	* 15%	* 15%	* 4%

*คิดเป็นร้อยละของปริมาณสูงสุดที่บริโภคได้ต่อวัน

Remark : The nutrition label shown reflects only the prescribed format set out in the applicable labeling regulations. When applying the label, the actual package size being used by client must be considered.

P. P.

พร ภูเพ็ชร
ผู้จัดการ

ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

5326420

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

ชื่อผลิตภัณฑ์ : Vedan More Wafers filled with Lemon Cheesecake Flavored Cream

ข้อมูลโภชนาการ			
หนึ่งหน่วยบริโภค	1 แพ็ค (33 กรัม)		
จำนวนหน่วยบริโภคต่อ	กล่อง : ประมาณ 3		
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค			
พลังงานทั้งหมด	180 กิโลแคลอรี	(พลังงานจากไขมัน	90 กิโลแคลอรี)
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน*			
ไขมันทั้งหมด	10 ก.		15 %
ไขมันอิ่มตัว	4.5 ก.		23 %
กรดไขมันชนิดทรานส์	0 ก.		
โคเลสเตอรอล	0 มก.		0 %
โปรตีน	1 ก.		
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	21 ก.		7 %
ใยอาหาร	0 ก.		0 %
น้ำตาล	10 ก.		
โซเดียม	70 มก.		4 %
โพแทสเซียม	55 มก.		2 %
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน*			
วิตามินเอ	0 %	วิตามินบี 1	น้อยกว่า 2 %
วิตามินบี 2	4 %	แคลเซียม	2 %
เหล็ก	0 %	วิตามินดี	0 %
* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี			
ความต้องการพลังงานของแต่ละบุคคลแตกต่างกัน ผู้ที่ต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี ควรได้รับสารอาหารต่างๆ ดังนี้			
ไขมันทั้งหมด	น้อยกว่า	65	ก.
ไขมันอิ่มตัว	น้อยกว่า	20	ก.
โคเลสเตอรอล	น้อยกว่า	300	มก.
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด		300	ก.
ใยอาหาร		25	ก.
โซเดียม	น้อยกว่า	2,000	มก.
พลังงาน (กิโลแคลอรี) ต่อกรัม : ไขมัน = 9; โปรตีน = 4 ; คาร์โบไฮเดรต = 4			

P P

พร ภู่อึ้ง

ผู้จัดการ

ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

Remark : The nutrition label shown reflects only the prescribed format set out in the applicable labeling regulations. When applying the label, the actual package size being used by client must be considered.

5326420

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and the document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and/or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) were said to be extracted.

Nutrition Information refer to Test Report 5624707 Date : 17-Jul-2023 Page 1 of 1
 ชื่อผลิตภัณฑ์ : Vedan More Wafers filled with Lemon Cheesecake Flavored Cream

คุณค่าทางโภชนาการต่อ 1 กล่อง

ควรแบ่งกิน ประมาณ 3 ครั้ง

พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
540	30	30	210
กิโลแคลอรี	กรัม	กรัม	มิลลิกรัม
* 27%	* 46%	* 46%	* 11%

*คิดเป็นร้อยละของปริมาณสูงสุดที่บริโภคได้ต่อวัน

Remark : The nutrition label shown reflects only the prescribed format set out in the applicable labeling regulations. When applying the label, the actual package size being used by client must be considered.

R. P.

พร ภูเพ็ชร

ผู้จัดการ

ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

5326420

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.



Số chứng thực 1007/43

Báo cáo thử nghiệm: 5621278

Ngày: 12/07/2023

Trang 1/ 4

Khách hàng: KCG Corporation Public Company Limited

79 Moo 11, Theparak Road,

Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakarn 10540 Thái Lan

(Các) mẫu sau đây đã được gửi và được khách hàng xác định là:

Tên mẫu : Bánh kem xốp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More

Mô tả mẫu: Bánh xốp

Xuất khẩu sang : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ : Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

(Các) mẫu sau đã được SGS xác định là:

Số mẫu SGS: 5897827

Tình trạng mẫu: Mẫu được niêm phong trong túi nhôm.

Số lượng đã gửi: 84 túi X 33 g

Ngày nhận: 29/06/2023

Ngày bắt đầu: 03/07/2023

Mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	DVT
Độ ẩm	Phương pháp nội bộ SOP LBAG-00124 dựa trên AOAC (2019) 927.05, 950.46, 925.40, 934.06, 925.10, 948.12	-	-	1.6	g/100g
Hoạt tính dưới nước	Phương pháp nội bộ SOP LBAG-12277 dựa trên AOAC (2019) 978.18	-	-	0.151 ở 25.1 độ C	-
Chì (Pb)	Phương pháp nội bộ SOP Số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0.02	0.03	Không phát hiện	mg/kg
Asen (As)	Phương pháp nội bộ SOP Số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0.01	0.03	Dưới 0.03	mg/kg
Thiếc (Sn)	Phương pháp nội bộ SOP Số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0.01	0.35	Không phát hiện	mg/kg

"Bất kỳ ai được cấp tài liệu này đều được khuyến khích nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể ủy ý định kèm hoặc hiển thị thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi có sự phê duyệt trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") liên quan được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 16/10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SDT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com



Số chứng thực 1007/43

Báo cáo thử nghiệm: 5621278

Ngày: 12/07/2023

Trang 2/4

Mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	DVT
Thủy ngân (Hg)	Phương pháp nội bộ SOP LBCH-08480 dựa trên USEPA, tháng 2 năm 2007, Phương pháp 7473, Máy phân tích thủy ngân	0.004	0.01	Không phát hiện	mg/kg
Dữ liệu tổ mycotoxins	Phương pháp nội bộ SOP No.LBLC-18004 dựa trên phương pháp QuEChERS của Thermo Fisher Scientific Manual, Application Note No.21121., HPLC-MS-MS				
-Aflatoxin B1		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin B2		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin G1		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin G2		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg
-Total Aflatoxin		-	-	Không phát hiện	ug/kg
-Deoxynivalenol (DON)		10.00	20.00	Không phát hiện	ug/kg
-Ochratoxin A		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg
-Zearalenone		2.50	5.00	Không phát hiện	ug/kg
Màu thực phẩm tổng hợp	Phương pháp nội bộ SOP số LBLC-18003 dựa trên Food Chemistry 177 (2015), P.197-203, HPLC-DAD				
-Tartrazine E102		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Ponceau 4R E124		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Phẩm màu vàng cam FCF E110		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Phẩm màu đỏ hồng AC E129		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Carmoisine or Azorubine E122		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Erythrosine E127		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Fast green FCF E143		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Brilliant blue FCF E133		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Patent blue V E131		0.50	1.00	Không phát hiện	mg/kg
-Quinoline yellow E104		1.00	3.00	Không phát hiện	mg/kg

"Bất kỳ ai được cấp tài liệu này đều được khuyến khích nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc hiển thị thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi có sự phê duyệt trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") liên quan được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SDT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com

Mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	DVT
Sulphur dioxide (SO ₂)	Phương pháp nội bộ SOP số LBFD-97016 liên quan đến Sổ tay kiểm soát chất lượng thực phẩm của FAO.1986, Tập 14/7 Trang 62-64.AOAC (2019) 961.09 và AOAC (2019) 962.16	2.5	10	Không phát hiện	mg/kg
chất chống oxy hóa	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-13623 dựa trên Tạp chí Hóa học thực phẩm 105 (2007) 389-394, HPLC-DAD				
-TBHQ		1.50	3.00	Không phát hiện	mg/kg
-BHA		1.50	3.00	Không phát hiện	mg/kg
-BHT		1.50	3.00	12.31	mg/kg
A xit benzoic	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-06349 dựa trên Tạp chí Sắc ký A,1073 (2005) Trang 393-397 HPLC/DAD				
- A xit benzoic		0.50	1.50	Không phát hiện	mg/kg
-* natri benzoat		0.59	1.77	Không phát hiện	mg/kg
axit sorbic	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-06349 dựa trên Tạp chí Sắc ký A,1073 (2005) Trang 393-397, HPLC-DAD				
- axit sorbic		0.50	1.50	Không phát hiện	mg/kg
-* kali sorbat		0.67	2.01	Không phát hiện	mg/kg
Melamine & chất tương tự	Phương pháp nội bộ SOP số LBLC-21004 dựa trên Thực phẩm và Môi trường của nghiên cứu AB SCIEX 2013.; Số xuất bản: 7170213-01, HPLC-MS-MS				
-Melamine		0.05	0.10	Không phát hiện	mg/kg
- axit xyanuric		0.05	0.10	Không phát hiện	mg/kg
Cadmium (Cd)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0.01	0.03	Không phát hiện	mg/kg

"Bất kỳ ai được cấp tài liệu này đều được khuyến khích nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc hiển thị thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi có sự phê duyệt trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") liên quan được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SĐT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com



Số chứng thực 1007/43

Báo cáo thử nghiệm: 5621278

Ngày: 12/07/2023

Trang 4/ 4

Nhận xét :

Ghi chú: 1. LOD = "Giới Hạn Phát Hiện"

2. Nhỏ hơn = Thấp hơn LOQ "Giới hạn định lượng"

"(Các) thử nghiệm được đánh dấu * trong Báo cáo này không được bao gồm trong Phạm vi Chứng nhận BLQS DMSQ."

Phòng thí nghiệm đã được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

Đã ký thay mặt cho SGS (Thailand) Ltd.

(Đã ký)

Porn Poopetch

Quyền Trưởng phòng thí nghiệm hóa học tổng hợp

***** Kết thúc báo cáo *****

"Bất kỳ ai được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc hiển thị thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào được cấp tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép tài liệu này trừ khi toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi sửa đổi, giả mạo hoặc xuyên tạc trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều không hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trong phạm vi tối đa của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi có sự phê duyệt trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đã chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu liên quan đến các phát hiện được ghi lại trong tài liệu này ("Kết quả") liên quan được rút ra và/hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi một bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng. Các kết quả không cấu thành sự đảm bảo cho tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và liên quan chặt chẽ đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến xuất xứ hoặc nguồn gốc mà từ đó (các) mẫu nói trên được chiết ra.

SGS (Thailand) Limited: Dịch vụ phòng thí nghiệm: 10.10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

SDT: +66(0)2 683 05 41, 294 74 86-90 Fax: +66(0)2 294 74 84, 693 07 58 www.sgs.com

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tôi, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

CHỨNG NHẬN:

CERTIFY THAT:

- Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CMND số 012392795 cấp ngày 23/12/2009 tại công an Hà Nội, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Lê Thị Chà;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 05 bản chính, mỗi bản gồm 5 tờ, 5 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 2517 ; Quyền số: 01/2023 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch



Lê Thị Chà

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Thị Thùy Trang



Accreditation No.1007/43

Test Report 5621278

Date : 12-Jul-2023

Page 1 of 4

Client : KCG Corporation Public Company Limited
79 Moo 11, Theparak Road,
Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakarn 10540 Thailand

The following sample(s) was/were submitted and identified by client as:

Sample Name : Vedan More Wafers filled with Lemon Cheesecake Flavored Cream
Sample Description : Wafers
Export to : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Address : National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

The following sample(s) was/were identified by SGS as:

SGS Sample No. : 5897827
Sample Condition : Sample is sealed in an aluminium bag.
Qty.Submitted : 84 bags X 33 g
Date Received : 29-Jun-2023 Date Commenced : 3-Jul-2023

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Moisture	In house method SOP LBAG-00124 based on AOAC (2019) 927.05,950.46,925.40,934.06,925. 10,948.12	-	-	1.6	g/100g
Water Activity	In house method SOP LBAG-12277 based on AOAC (2019) 978.18	-	-	0.151 at 25.1 degree C	-
Lead (Pb)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.02	0.03	Not detected	mg/kg
Arsenic (As)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.03	Less than 0.03	mg/kg
Tin (Sn)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.35	Not detected	mg/kg

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

Test Report 5621278

Date : 12-Jul-2023

Page 2 of 4

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Mercury (Hg)	In-house method SOP LBCH-08480 based on USEPA, February 2007, Method 7473, Mercury Analyzer	0.004	0.01	Not detected	mg/kg
Multi- mycotoxins	In-house method SOP No.LBLC-18004 based on QuEChERS method of Thermo Fisher Scientific Manual, Application Note No.21121. , HPLC-MS-MS				
-Aflatoxin B1		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin B2		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin G1		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin G2		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Total Aflatoxin		-	-	Not detected	ug/kg
-Deoxynivalenol (DON)		10.00	20.00	Not detected	ug/kg
-Ochratoxin A		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Zearalenone		2.50	5.00	Not detected	ug/kg
Synthetic food colour	In-house method SOP no.LBLC-18003 based on Food Chemistry 177 (2015), P.197-203 , HPLC-DAD				
-Tartrazine E102		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Ponceau 4R E124		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Sunset yellow FCF E110		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Allura Red AC E129		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Carmoisine or Azorubine E122		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Erythrosine E127		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Fast green FCF E143		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Brilliant blue FCF E133		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Patent blue V E131		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Quinoline yellow E104		1.00	3.00	Not detected	mg/kg

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

Test Report 5621278

Date : 12-Jul-2023

Page 3 of 4

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Sulphur dioxide (SO ₂)	In-house Method SOP No. LBFD-97016 in connection with FAO Manual of Food Quality Control.1986, Vol.14/7 Page 62-64, AOAC (2019) 961.09 and AOAC (2019) 962.16	2.5	10	Not detected	mg/kg
Antioxidants	In-house method SOP LBFD-13623 based on Journal of Food Chemistry 105 (2007) 389-394, HPLC-DAD				
-TBHQ		1.50	3.00	Not detected	mg/kg
-BHA		1.50	3.00	Not detected	mg/kg
-BHT		1.50	3.00	12.31	mg/kg
Benzoic acid	In house method SOP LBFD-06349 based on Journal of Chromatography A, 1073 (2005) Page 393-397 HPLC/DAD				
-Benzoic acid		0.50	1.50	Not detected	mg/kg
-*Sodium benzoate		0.59	1.77	Not detected	mg/kg
Sorbic acid	In house method SOP LBFD-06349 based on Journal of Chromatography A, 1073 (2005) Page 393-397, HPLC-DAD				
-Sorbic acid		0.50	1.50	Not detected	mg/kg
-*Potassium sorbate		0.67	2.01	Not detected	mg/kg
Melamine & Analogs	In housed method SOP no.LBLC-21004 based on Food and Environmental of AB SCIEX research 2013.; Publication number: 7170213-01, HPLC-MS-MS				
-Melamine		0.05	0.10	Not detected	mg/kg
-Cyanuric acid		0.05	0.10	Not detected	mg/kg
Cadmium (Cd)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.03	Not detected	mg/kg

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.



Accreditation No.1007/43

Test Report 5621278

Date : 12-Jul-2023

Page 4 of 4

Remark : 1. LOD = "Limit of Detection"

2. Less than = Lower than LOQ "Limit of Quantitation"

"Test(s) marked * on this Report are not included in the BLQS DMSQ Accreditation Scope."

The Laboratory have been accredited in accordance with ISO/IEC 17025.

Signed for and on behalf of
SGS (Thailand) Ltd.

Porn Poopetch

Acting General Chemical Laboratory Manager

***** End of Report *****



"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.



KCG Corporation Public Company
Limited
228 Moo.11, Theparak Road, Bang Phli
Yai, Bang Phli, Samut Prakarn, 10540
Thái Lan
SDT: 02-744-2000, Fax: 02-752-5581

TP/FM-LAB-034
Sửa đổi số 09, ngày
03/01/2023



Số chứng thực: 1274/59

Báo cáo thử nghiệm

Trang 1/2

Tên khách hàng: KCG Corporation Public Company Limited

Địa chỉ: 79 Moo 11 Theparak Road, Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakarn, 10540 Thái Lan

Người nhận: Khun Chonticha Suwanprasert

Tên mẫu: Bánh kem xốp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More

Ngày sản xuất: 28/06/2023

Xuất khẩu sang : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mô tả mẫu: màu vàng, cứng, đựng trong túi nhựa (600g x 1 gói)

Số yêu cầu: 23/000508

Số báo cáo: 23-000712

Ngày nhận: 29/06/2023

Số mẫu: 20230629-800

Ngày phân tích: 29/06/2023-05/07/2023

Ngày báo cáo: 05/07/2023

Địa điểm thực hiện hoạt động: Phòng thí nghiệm hoá chất

Phòng thí nghiệm vi sinh.

Mục thử nghiệm	Phương pháp thử	Kết quả	LOD	LOQ ĐVT	u Diễn giải thông số
Độ ẩm theo độ ẩm máy phân tích *	AOAC (2019) 925.10	1.55	-	%	- - -
Tổng vi sinh vật hiếu khí	AOAC (2019) 990.12	70	-	CFU/g	- - -
Nấm men và nấm mốc	AOAC (2019) 997.02	<10	-	CFU/g	- - -
Coliform	AOAC (2019) 991.14	<10	-	CFU/g	- - -

Ghi chú: - Phòng thí nghiệm đã được công nhận là phòng thí nghiệm được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025

- * = Phương pháp thử nghiệm được/không được đề cập tuân theo ISO/IEC 17025.

- LOD = Giới hạn phát hiện

- "<" = Thấp hơn LOQ (Giới hạn Định lượng)

- U = Độ không đảm bảo

Các kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu đã gửi như được nêu trong báo cáo này. Không được sao chép bất cứ phần nào của báo cáo hoặc chứng nhận này dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm của KCG Corporation Public Company Limited (chi nhánh Theparak) khuyến nghị không nên sao chép báo cáo này, trừ khi toàn bộ.





KCG Corporation Public Company Limited
228 Moo.11, Theparak Road, Bang Phli Yai,
Bang Phli, Samut Prakarn, 10540 Thái Lan
SĐT: 02-744-2000, Fax: 02-752-5581

TP/FM-LAB-034
Sửa đổi số 09, ngày
03/01/2023



Số chứng thực: 1274/59

Báo cáo thử nghiệm

Trang 2/2

Tên khách hàng: KCG Corporation Public Company Limited

Địa chỉ: 79 Moo 11 Thepharak Road, Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakarn, 10540 Thái Lan

Người nhận: Khun Chonticha Suwanprasert

Tên mẫu: Bánh kem xốp hương Bánh Phô Mai Chanh Vedan More

Ngày sản xuất: 28/06/2023

Xuất khẩu sang: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mô tả mẫu: màu vàng, cứng, đựng trong túi nhựa (600g x 1 gói)

Số yêu cầu: 23/000508

Số báo cáo: 23-000712

Ngày nhận: 29/06/2023

Số mẫu: 20230629-800

Ngày phân tích: 29/06/2023-05/07/2023

Ngày báo cáo: 05/07/2023

Địa điểm thực hiện hoạt động: Phòng thí nghiệm hoá chất
Phòng thí nghiệm vi sinh.

Mục thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả LOD	LOQ ĐVT	u	Diễn giải thông số
Escherichia coli	AOAC (2019) 991.14	Không phát hiện	trên 0.1 g	-	-
Staphylococcus aureus	AOAC (2019) 2003.07, 2003.08	<10	CFU/g	-	-
Salmonella spp.	AOAC (2019) 2016.01	Không phát hiện	Trên 25 g	-	-
Bacillus cereus	ISO 7932 : 2004	<10	CFU/g	-	-
Clostridium perfringens	ISO 7937 :2004	<10	CFU/g	-	-

Ghi chú: - Phòng thí nghiệm đã được công nhận là phòng thí nghiệm được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025

- * = Phương pháp thử nghiệm được/không được đề cập tuân theo ISO/IEC 17025.

- LOD = Giới hạn phát hiện

- "<" = Thấp hơn LOQ (Giới hạn Định lượng)

- U = Độ không đảm bảo

Các kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu đã gửi như được nêu trong báo cáo này. Không được sao chép bất cứ phần nào của báo cáo hoặc chứng nhận này dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm của KCG Corporation Public Company Limited (chi nhánh Theparak) khuyến nghị không nên sao chép báo cáo này, trừ khi toàn bộ.

Người báo cáo: (Đã ký, đóng dấu)

(Miss Paweeticha Poontong)

Giám đốc bộ phận QA

(Giám đốc kỹ thuật)

Ngày 05/07/2023

Người báo cáo: (Đã ký)

(Miss Chanakarn Pisitkul)

Giám đốc bộ phận QA

(Giám đốc kỹ thuật)

Ngày 05/07/2023

Người phê duyệt: (Đã ký)

(Mr. Dittapong Thanompan)

VP – Chất lượng Công ty

(Giám đốc chất lượng)

Ngày 05/07/2023

18
HỒ
CH
HÀ
T

Các kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu đã gửi như được nêu trong báo cáo này. Không được sao chép bất cứ phần nào của báo cáo hoặc chứng nhận này dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm của KCG Corporation Public Company Limited (chi nhánh Theparak) khuyến nghị không nên sao chép báo cáo này, trừ khi toàn bộ.

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tôi, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

CHỨNG NHẬN: CERTIFY THAT:

- Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CMND số 012392795 cấp ngày 23/12/2009 tại công an Hà Nội, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Lê Thị Chà;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 05 bản chính, mỗi bản gồm 4 tờ, 4 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 8512 ; Quyển số: 01/2023 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch



Lê Thị Chà

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Thị Thùy Trang



KCG Corporation Public Company Limited
228 Moo.11, Theparak Road, Bang Phli Yai,
Bang Phli, Samut Prakarn, 10540 Thailand.
Tel : 02-744-2000, Fax : 02-752-5581

TP/FM-LAB-034
Rev.09 , 03/01/2023



Accreditation No. 1274/59

Test Report

Page : 1/2

Customer Name : KCG Corporation Public Company Limited **Required No.** : 23/000508
Address : 79 Moo 11 Thepharak Road, Bang Pla, **Report No.** : 23-000712
Bang Phli, Samut Prakarn, 10540 Thailand **Received Date** : 29/06/23
Attention to : Khun Chonticha Suwanprasert **Sample No.** : 20230629-800
Sample Name : Vadan More Wafers filled with Lemon **Analyzed Date** : 29/06/23- 05/07/23
Cheesecake Flavoured Cream **Reported Date** : 05/07/23
MFG 28/06/2023 **Location of the** : Chemical laboratory
Export to : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP.,LTD **performed activities** Microbiological laboratory
Address : National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Sample Description : Yellow color solid contained
in Plastic bag (600 g x 1 Pack)

Test Item	Test Method	Results	LOD	LOQ	Unit	U	Specification	Interpretation
Moisture by Moisture Analyzer*	AOAC (2019) 925.10	1.55	-	-	%	-	-	-
Total Plate Count	AOAC (2019) 990.12	70	-	-	CFU/g	-	-	-
Yeasts and Molds	AOAC (2019) 997.02	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
Coliform	AOAC (2019) 991.14	<10	-	-	CFU/g	-	-	-

Remark : - The laboratory has been accepted as an accredited laboratory complying with the ISO/IEC 17025

- * = Test method is/are not covered complying with the ISO/IEC 17025.

- LOD = Limit of Detection

- " < " = Lower than LOQ (Limit of Quantitation)

- U = Uncertainty



Test Report

Page : 2/2

Customer Name : KCG Corporation Public Company Limited Required No. : 23/000508
Address : 79 Moo 11 Thepharak Road, Bang Pla, Report No. : 23-000712
Bang Phli, Samut Prakarn, 10540 Thailand Received Date : 29/06/23
Attention to : Khun Chonticha Suwanprasert Sample No. : 20230629-800
Sample Name : Vadan More Wafers filled with Lemon Analyzed Date : 29/06/23- 05/07/23
Cheesecake Flavoured Cream Reported Date : 05/07/23
MFG 28/06/2023 Location of the : Chemical laboratory
Export to : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP.,LTD performed activities Microbiological laboratory
Address : National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Sample Description : Yellow color solid contained
in Plastic bag (600 g x 1 Pack)

Test Item	Test Method	Results	LOD	LOQ	Unit	U	Specification	Interpretation
<i>Escherichia coli</i>	AOAC (2019) 991.14	Not detected	-	-	Per 0.1 g	-	-	-
<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC (2019) 2003.07, 2003.08	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
<i>Salmonella</i> spp.	AOAC (2019) 2016.01	Not detected	-	-	Per 25 g	-	-	-
<i>Bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
<i>Clostridium perfringens</i>	ISO 7937 :2004	<10	-	-	CFU/g	-	-	-

Remark : - The laboratory has been accepted as an accredited laboratory complying with the ISO/IEC 17025

- * = Test method is/are not covered complying with the ISO/IEC 17025.
- LOD = Limit of Detection
- " < " = Lower than LOQ (Limit of Quantitation)
- U = Uncertainty

Reported by: Paweeticha P.
(Miss Paweeticha Poontong)
QA Section Manager
{ Technical Manager }



Reported by: Chanakarn P.
(Miss Chanakarn Pisitkul)
QA Section Manager
{ Technical Manager }

Approved by: [Signature]
(Mr. Dittapong Thanompan)
VP - Corporation Quality
{ Quality Manager }

05/07/23

05/07/23